

Bài 10: BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÁC LĨNH VỰC

PHẦN I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Bình đẳng giới được hiểu là

- A. nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình và hưởng thụ như nhau về thành quả.
- B. nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình và nam được hưởng thụ thành quả nhiều hơn nữ
- C. nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình và nữ được hưởng thụ thành quả nhiều hơn nam
- D. nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình và hưởng thụ như nhau về thành quả trong mọi hoàn cảnh.

Câu 2. Nội dung nào sau đây **sai** khi nói về bình đẳng giới?

- A. Nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau.
- B. Nam, nữ được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình .
- C. Nam, nữ được hưởng thụ như nhau về thành quả của sự phát triển.
- D. Chỉ có nam được tạo điều kiện và cơ hội để phát huy năng lực của mình.

Câu 3. Nội dung nào sau đây **đúng** khi nói về bình đẳng giới?

- A. Nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau.
- B. Nữ được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình nhiều hơn nam.
- C. Nam được hưởng thụ như nhau về thành quả của sự phát triển nhiều hơn nữ.
- D. Nam được tạo điều kiện và cơ hội để phát huy năng lực của mình.

Câu 4. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị được hiểu là

- A. nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội, tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan, tổ chức .
- B. nam được tín nhiệm hơn trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.
- C. nữ được tín nhiệm hơn trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.
- D. nam được tạo điều kiện và cơ hội để phát huy năng lực của mình.

Câu 5. Nội dung nào sau đây **không** thể hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị?

- A. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước,
- B. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia hoạt động xã hội,
- C. Nam, nữ bình đẳng trong tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan, tổ chức ..
- D. Nam được tạo điều kiện và cơ hội để phát huy năng lực của mình.

Câu 6. Nội dung nào sau đây thể hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị?

- A. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội, tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan, tổ chức .
- B. Nam được tín nhiệm hơn trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.
- C. Nữ được tín nhiệm hơn trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.
- D. Nam được tạo điều kiện và cơ hội để phát huy năng lực của mình.

Câu 7. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế được hiểu là

- A. nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất
- B. chỉ nam giới mới được thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất
- C. chỉ nữ giới mới có thể thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất
- D. nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất

Câu 8. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế được thể hiện ở nội dung nào sau đây ?

- A. Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất

- B. chỉ nam giới mới được thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất
- C. chỉ nữ giới mới có thể thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất
- D. nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất

Câu 9. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế được thể hiện ở nội dung nào sau đây ?

- A. Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất...
- B. chỉ nam giới mới được thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất...
- C. chỉ nữ giới mới có thể thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất...
- D. nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất...

Câu 10. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế không thể hiện ở nội dung nào sau đây ?

- A. Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp,
- B. tiến hành hoạt động sản xuất
- C. quản lý doanh nghiệp
- D. chỉ nam giới mới có thể quản lý doanh nghiệp

Câu 11. Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động được hiểu là

- A. nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc.
- B. nam được bình đẳng nữ về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng.
- C. nữ bình đẳng hơn nam về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng.
- D. ưu tiên tuyển dụng lao động nam hơn lao động nữ.

Câu 12. Quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong lao động thể hiện ở nội dung nào sau đây?

- A. Nam và nữ bình đẳng về tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương và trả công lao động trong tất cả các ngành nghề.
- B. Người sử dụng lao động ưu tiên nhận nam vào làm việc hơn lao động nữ.
- C. Lao động nữ được hưởng chế độ khám thai, nghỉ hậu sản.
- D. Trong quá trình lao động, lao động nữ được đi muộn hơn và về sớm hơn để lo công việc gia đình.

Câu 13. Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo **không** được thể hiện ở nội dung nào sau đây?

- A. Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng.
- B. Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo.
- C. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo.
- D. Nam giới mới được đi học.

Câu 14. Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo **không** được thể hiện ở nội dung nào sau đây?

- A. Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng.
- B. Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo.
- C. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo.
- D. Nữ giới mới được đi học đại học.

Câu 15. Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện ý nghĩa của bình đẳng giới trong đời sống xã hội?

- A. Đảm bảo công bằng và nhân văn cho mọi thành viên trong xã hội.
- B. Đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của nam và nữ trong mọi lĩnh vực.
- C. Đảm bảo quyền lợi và cơ hội cho các giới tính khác nhau.
- D. Đảm bảo giới hạn về quyền lợi của nữ trong mọi lĩnh vực.

Câu 16. Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội

- A. có công việc ổn định.
- B. phát huy được năng lực của mình.
- C. phát huy được tài năng như nhau.
- D. phát triển được bản sắc riêng.

Câu 17. Hành vi nào dưới đây vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục?

- A. Đảm bảo nam, nữ có cơ hội như nhau trong học tập và đào tạo.
- B. Quy định tuổi đào tạo, tuổi tuyển sinh khác nhau giữa nam và nữ.
- C. Nữ cán bộ mang theo con nhỏ khi tham gia đào tạo được hỗ trợ theo quy định.
- D. Việc tiếp cận, hưởng thụ chính sách về nghiệp vụ bình đẳng giữa nam và nữ.

Câu 18. Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây là biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế?

- A. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm.
- B. Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập và điều hành doanh nghiệp.
- C. Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế.
- D. Doanh nghiệp đảm bảo an toàn cho lao động nữ khi làm việc nặng nhọc.

Câu 19. Theo quy định của pháp luật, ý kiến nào dưới đây là đúng về tỉ lệ nữ tham gia làm đại biểu Hội đồng nhân dân?

- A. Nữ chỉ cần có một người đại diện là được.
- B. Cần đảm bảo tỉ lệ thích đáng nữ đại biểu.
- C. Tỉ lệ nữ phải bằng với tỉ lệ nam.
- D. Tỉ lệ nữ nhất định phải nhiều hơn nam.

Câu 20. Nội dung nào sau đây thể hiện ý nghĩa của bình đẳng giới?

- A. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm.
- B. Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập và điều hành doanh nghiệp.
- C. Bảo đảm cho nam, nữ có cơ hội cùng có tiếng nói chung, cùng tham gia và có vị trí, vai trò ngang nhau.
- D. Đảm bảo nam, nữ có cơ hội như nhau trong học tập và đào tạo.

Câu 21. Lao động nữ được quan tâm hơn lao động nam vì lý do nào sau đây?

- A. Lao động nữ yếu hơn lao động nam
- B. Lao động nữ trong các doanh nghiệp đông hơn lao động nam
- C. Lao động nữ có đặc điểm về cơ thể và thực hiện chức năng làm mẹ.
- D. Lao động nữ khéo léo, dẻo dai hơn lao động nam

Câu 22. Vợ, chồng có quyền ngang nhau đối với tài sản chung có nghĩa là

- A. những tài sản hai người có được sau khi kết hôn.
- B. những tài sản có trong gia đình họ hàng hai bên nội, ngoại.
- C. những tài sản hai người có được sau khi kết hôn và tài sản riêng của vợ hoặc chồng có trước khi kết hôn song không nhập vào tài sản chung của gia đình.
- D. những tài sản được thừa kế của cha mẹ sau khi kết hôn không nhập vào tài sản chung.

Câu 23. Biểu hiện nào sau đây thể hiện bình đẳng trong gia đình?

- A. Chỉ có người vợ mới có nghĩa vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc và giáo dục con cái.
- B. Chỉ có người chồng có quyền lựa chọn nơi cư trú, quyết định số con và thời gian sinh con.
- C. Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình.
- D. Người chồng phải giữ vai trò chính trong đóng góp về kinh tế và quyết định công việc lớn trong GD.

Câu 24. Điểm nào sau đây trong quan hệ tài sản giữa vợ chồng trong giai đoạn hiện nay khác với thời phong kiến?

- A. Chỉ có người chồng mới có quyền sở hữu mọi tài sản trong nhà.
- B. Người vợ được quyền nắm tài chính trong nhà và sử dụng nguồn tài chính do chồng làm ra
- C. Vợ, chồng bình đẳng trong quan hệ sở hữu tài sản.
- D. Người chồng được quyền sở hữu tài sản khi là lao động có thu nhập còn người vợ là lao động trong gia đình

Câu 25. Sau khi sinh con được ba tháng, chị K phát hiện chồng mình là anh B đã tự ý rút tiền tiết kiệm của hai vợ chồng để kinh doanh và bị thua lỗ. Để có tiền trả nợ, chị K nhờ mẹ chồng là bà H trông con để chị đi làm thêm dù anh B không đồng ý. Vốn coi thường con dâu từ trước và luôn coi trọng ý kiến của con trai nên khi bị anh B gây sức ép, bà H đến công ty nơi chị K làm việc bịa đặt thông tin và đề nghị Giám đốc công ty X đuổi việc chị. Thấy con gái bị nhà chồng đối xử bất công, bà G mẹ chị K đã sang nhà chửi bới mẹ con anh B thậm tệ. Trong tình huống trên những ai vi phạm bình đẳng giới trong hôn nhân và gia đình?

- A. Anh B, bà H.
- B. Bà K, giám đốc công ty X.
- C. Anh B, bà G, bà H.
- D. Anh B, bà H, giám đốc công ty X.

Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi 26,27,28,29

Số lao động nam của công ty X ít hơn số lao động nữ. Với mục đích nâng cao tay nghề cho người lao động, Công ty đã tổ chức một cuộc thi nhằm tuyển chọn 15 người để cử đi tu nghiệp tại nước ngoài theo mức điểm từ cao xuống thấp. Dựa trên kết quả cuộc thi, công ty đã quyết định cử 15 người trúng tuyển ra nước ngoài học tập, trong đó 9 người là nam và 6 người là nữ. Thời gian gần đây, công ty mở rộng quy mô sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường nên Công ty đã thông báo tuyển dụng thêm nhân sự. Trong thông báo tuyển dụng nêu rõ, công ty chỉ tuyển dụng lao động nữ.

Câu 26. Việc tổ chức thi tuyển nhằm tuyển chọn người trúng tuyển ra đi tu nghiệp ở nước ngoài học tập của Công ty X thể hiện nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực nào?

A. Lao động. B. Giáo dục và đào tạo. C. Kinh tế. D. Gia đình.

Câu 27. Nội dung nào trong thông tin trên vi phạm quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động?

- A. Số lao động nam của công ty ít hơn lao động nữ. B. Công ty tổ chức thi tuyển.
C. Thông báo tuyển dụng chỉ tuyển lao động nữ. D. Cử người đi tu nghiệp ở nước ngoài.

Câu 28. Thông tin trên đã đề cập đến bình đẳng giới trên những lĩnh vực nào?

- A. Giáo dục đào tạo và lao động. B. Kinh doanh và giáo dục đào tạo.
C. Xã hội và Giáo dục đào tạo. D. Hôn nhân và gia đình.

Câu 29. Qua thông tin trên, việc thực hiện bình đẳng giới mang lại ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của con người và xã hội?

- A. Nam, nữ được tạo điều kiện để phát huy năng lực của mình.
B. Nam, nữ thực hiện công việc không đúng với khả năng của mình.
C. Nam, nữ không được tự do sử dụng sức lao động của mình.
D. Nam, nữ không có cơ hội như nhau trong việc tuyển dụng.

Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi 30,31,32

Báo cáo rà soát tình hình thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 cho rằng bình đẳng giới đã mang lại những thay đổi tích cực ở các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và các lĩnh vực khác. Trong giai đoạn này. “Lần đầu tiên có 3 nữ ủy viên Bộ Chính trị, nữ Chủ tịch Quốc hội. Phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn vào các hoạt động kinh tế và có nhiều cơ hội để có những việc làm tốt, mang lại thu nhập cao hơn. Về giáo dục, tỉ lệ nhập học của trẻ em trai và trẻ em gái ở bậc tiểu học và trung học đều cao và cân đối”. Trong lĩnh vực y tế thì: “Ngành y tế chỉ đạo các cơ sở y tế, các đơn vị trực thuộc phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ và nam giới” và “Nhiều bệnh viện ở trung ương và địa phương đã hình thành khoa nam học và tăng cường đào tạo bác sĩ chuyên khoa nam học để mở rộng mạng lưới tư vấn về sức khỏe sinh sản cho nam giới”.

Câu 30. Thông tin trên cho thấy, nữ giới tham gia và giữ nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan quyền lực nhà nước là bình đẳng giới trong lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế. B. Chính trị. C. Văn hóa. D. Xã hội.

Câu 31. Tỉ lệ nhập học của trẻ em trai và trẻ em gái ở bậc tiểu học và trung học đều cao và cân đối là biểu hiện của bình đẳng giới trong lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Chính trị. B. Kinh tế. C. Giáo dục và đào tạo. D. Văn hóa.

Câu 32. Việc thành lập khoa nam học và tăng cường đào tạo bác sĩ chuyên khoa nam học là biểu hiện của bình đẳng giới trong lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Gia đình. B. Khoa học. C. Y tế. D. Văn hóa.

Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi 33,34,35

Thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, huyện Y đã tổ chức các lớp tập huấn, hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến bình đẳng giới. Ngoài ra, chính quyền huyện còn có các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới trên từng lĩnh vực như: bảo đảm tỉ lệ nữ lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn, chính sách vay vốn, hỗ trợ đào tạo nghề cho phụ nữ, hỗ trợ các doanh nghiệp có sử dụng nhiều lao động nữ,... Các hoạt động này đã góp phần giúp nữ giới phát huy vai trò trong xã hội.

Câu 33. Các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới trong thông tin trên góp phần thúc đẩy bình đẳng giới trong các lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Chính trị, văn hóa, lao động. B. Giáo dục, kinh tế và chính trị.
C. Chính trị, kinh tế, lao động. D. Kinh tế, văn hóa, lao động.

Câu 34. Việc chính quyền huyện Y đảm bảo tỷ lệ nữ lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước là biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trên lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế. B. Kinh doanh. C. Chính trị. D. Lao động.

Câu 35. Hoạt động hỗ trợ nghề cho phụ nữ của huyện Y đã góp phần thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực nào?

A. Lao động. **B.** Chính trị.

C. Kinh tế.

D. Kinh doanh.

PHẦN II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/ SAI

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Vợ chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình; có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ, chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình; bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình cũng như trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp, sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật. Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển.

a. Vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình là bình đẳng giới trong quan hệ nhân thân.

b. Bình đẳng giới trong gia đình thể hiện ở việc giữa vợ và chồng đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản chung.

c. Bình đẳng giới trong gia đình chỉ gắn liền với quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ nhân thân và tài sản.

d. Đối với nguồn thu nhập chung của vợ và chồng thì cả hai đều có quyền ngang nhau trong việc sở hữu, sử dụng và định đoạt nó.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Trường mầm non dân lập B có nhu cầu mở rộng quy mô đào tạo, tăng thêm số lớp trong trường. Để đáp ứng nhu cầu này, nhà trường đã thông báo tuyển dụng thêm giáo viên. Đọc được thông báo, anh Q và chị M cùng nộp hồ sơ dự tuyển vào vị trí giáo viên mầm non của trường B. Tuy nhiên, bà K (hiệu trưởng) đã từ chối hồ sơ của anh Q với lý do: nghề này chỉ phù hợp với nữ giới.

a. Việc bà K từ chối hồ sơ của anh Q là đã vi phạm quyền bình đẳng giới.

b. Anh Q và chị M bị vi phạm bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.

c. Bà K và anh Q đều phải chịu trách nhiệm pháp lí.

d. Anh Q và chị M thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Chính phủ Việt Nam đã ban hành nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2021 về Chiến lược quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 với mục tiêu tổng quát: “Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước”.

Ngoài ra, chiến lược cũng đưa ra các mục tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội như: “Tỉ lệ nữ giám đốc/ chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030; phần đầu đạt 60% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030 dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới”.

a. Thông tin trên đề cập đến bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, xã hội.

b. Mục tiêu: “Tỉ lệ nữ giám đốc/ chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025” là đề cập đến bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế.

c. Thực hiện bình đẳng giới trong các lĩnh vực tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy khả năng và hưởng thụ thành quả của sự phát triển.

d. Bình đẳng giới không tạo điều kiện để các thành viên chia sẻ hợp lí công việc gia đình.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Gia đình anh T và chị M có ba người con. Ngoài việc lao động kiếm thu nhập cho gia đình, chị M còn phải một mình chăm sóc các con, quán xuyến công việc nhà. Biết được thông tin, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã đã cử cán bộ hội đến vận động anh T chia sẻ công việc gia đình cùng vợ. Qua công tác tuyên truyền, anh T đã hiểu về bình đẳng giới trong gia đình, chủ động chia sẻ công việc với chị M.

- a. Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.
- b. Chị M một mình chăm sóc các con, quán xuyến công việc nhà là biểu hiện của bất bình đẳng giới.
- c. Sự thay đổi hành vi của anh T là không phù hợp với quy định về bình đẳng giới trong gia đình.
- d. Việc làm của Hội liên hiệp phụ nữ xã là một biểu hiện của biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong gia đình

Câu 5. Đọc đoạn thông tin sau:

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề bình đẳng của phụ nữ. Người nói: “Chị em phải cố gắng học tập. Học văn hoá, học chính trị, học nghề nghiệp. Nếu không học thì không tiến bộ.

Có quyết tâm thì nhất định học được. Đồng thời phụ nữ phải vươn lên để bình đẳng với nam giới về trình độ, về năng lực quản lý kinh tế và quản lý xã hội, chủ động quyết tâm khắc phục khó khăn, phải tự tin, tự lực, tự cường, không nên tự ti ngồi chờ Chính phủ, chờ Đảng ra chỉ thị giải phóng cho mình”.

- a. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề bình đẳng giới của phụ nữ mà không quan tâm đến nam giới là bất bình đẳng.
- b. Chủ tịch Hồ Chí Minh động viên chị em phụ nữ phải cố gắng học tập, phải vươn lên là thể hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế.
- c. Quan điểm bình đẳng giới của Chủ tịch Hồ Chí Minh không xuất phát từ quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.
- d. Thông tin trên Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục.

Câu 6. Đọc đoạn thông tin sau:

Chị H đang làm việc tại công ty xuất nhập khẩu X. Chị luôn hoàn thành tốt mọi công việc được giao, có chuyên môn tốt và được đồng nghiệp quý mến. Công ty X muốn bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng nhân sự vì đang khuyết, giám đốc công ty lại không bổ nhiệm chị làm Trưởng phòng nhân sự mà lại bổ nhiệm anh Q với lý do chị là nữ không phù hợp với chức danh này.

- a. Thông tin trên đề cập đến vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.
- b. Giám đốc Công ty X không bổ nhiệm chị H làm Trưởng phòng nhân sự vì chị là nữ là vi phạm quyền bình đẳng giới trong lao động.
- c. Việc quyết định bổ nhiệm nhân sự dựa trên giới tính thay vì dựa trên năng lực và kỹ năng là bình đẳng giới.
- d. Việc áp dụng nguyên tắc bình đẳng giới khi bổ nhiệm là rất cần thiết.

Câu 7. Đọc đoạn thông tin sau:

Người nào vì lý do giới mà thực hiện hành vi dưới bất kỳ hình thức nào cản trở người khác tham gia hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế đã bị xử lý kỷ luật xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm

- a. Người có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bình đẳng giới chỉ phải chịu xử phạt hành chính.
- b. Mọi hành vi vi phạm quy định về bình đẳng giới đều phải chịu trách nhiệm pháp lý.
- c. Xử lý hình sự là biện pháp cao nhất áp dụng với người có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bình đẳng giới.
- d. Cản trở người khác tham gia các hoạt động liên quan đến chính trị, kinh tế, xã hội vì lý do giới là hành vi vi phạm quy định về bình đẳng giới.

Câu 8. Đọc đoạn thông tin sau:

Điều 39 Hiến pháp năm 2013: Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập. Theo đó, nam, nữ được đi học tập, đào tạo, bồi dưỡng khi đáp ứng quy định về độ tuổi mà không có sự phân biệt về giới tính. Hệ thống giáo dục

quốc dân hiện nay bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Công dân không phân biệt giới tính đều bình đẳng về cơ hội học tập. Trên cơ sở nhu cầu, đặc điểm và khả năng khác nhau của người học, người học có thể tham gia vào các cấp học, trình độ đào tạo khác nhau tùy thuộc vào độ tuổi mà không có sự phân biệt về giới tính.

a. Quy định mọi công dân không phân biệt giới tính đều bình đẳng về cơ hội học tập là bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục.

b. Quan điểm công dân không phân biệt giới tính đều bình đẳng về cơ hội học tập xuất phát từ quy định công dân bình đẳng trước pháp luật.

c. Bình đẳng giới được thể hiện trong thông tin trên là nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo.

d. Quan điểm nam, nữ được học tập, đào tạo và bồi dưỡng là biện pháp cơ bản để thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục

Câu 9. Đọc đoạn thông tin sau:

Việt Nam đã có một khung pháp lý khá đầy đủ để đảm bảo quyền của phụ nữ trên các lĩnh vực, đặc biệt là trong tổ chức Quốc hội. Nhờ đó, phụ nữ đã dần được khẳng định vị thế, vai trò của mình trong lĩnh vực này thông qua số lượng và chất lượng tham gia vào việc ra các quyết sách quan trọng đối với sự phát triển bền vững của xã hội. Có thể nhận thấy trong Quốc hội, tỷ lệ nữ là đại biểu Quốc hội tăng dần qua từng nhiệm kỳ. Nếu Quốc hội khóa I (1946-1960) chỉ có 10 đại biểu là nữ, chiếm 3% thì đến Quốc hội khóa XIV số đại biểu nữ được nâng lên 133 người, chiếm 26,8%. Đặc biệt, tại Quốc hội khóa XIV đã có nữ Chủ tịch Quốc hội đầu tiên tại Việt Nam. Việt Nam đứng thứ 65/162 và nằm trong nhóm 1/3 các quốc gia đứng đầu thế giới về tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội.

a. Nhà nước xây dựng và ban hành khung pháp lý để đảm bảo tỉ lệ nữ trong tổ chức Quốc hội là bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

b. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội tăng cao qua từng nhiệm kỳ thể hiện sự bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế.

c. Nhà nước xây dựng và ban hành khung pháp lý để đảm bảo quyền của phụ nữ trong các lĩnh vực.

d. Việc số lượng đại biểu Quốc hội qua các nhiệm kỳ tăng lên chứng tỏ phụ nữ đã dần được khẳng định vị thế, vai trò của mình trong lĩnh vực chính trị.

Câu 10. Đọc đoạn thông tin sau:

Theo ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội, năm 2021 công tác thông tin, truyền truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới tiếp tục được các bộ, ban ngành, địa phương quan tâm triển khai với hình thức phù hợp, giúp nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về bình đẳng giới; tư tưởng trọng nam hơn nữ, định kiến giới, phân biệt đối xử trong xã hội có nhiều thay đổi. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm tăng tỉ lệ nữ tham gia đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kì 2021-2026 được triển khai rộng khắp, góp phần tăng tỉ lệ nữ đại biểu dân cử so với các nhiệm kì trước. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã được Bộ Tư pháp thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm, đúng quy trình. Trong quá trình xây dựng và triển khai thi hành các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chính phủ quan tâm và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, quan tâm tới nhóm yếu thế như phụ nữ, trẻ em, điều này góp phần rút ngắn khoảng cách về giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

a. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm tăng tỉ lệ nữ tham gia đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khoá XV không bị coi là bất bình đẳng giới.

b. Việc bảo đảm tỉ lệ nữ tham gia đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

c. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là góp phần thúc đẩy xã hội phát triển bền vững, hướng tới công bằng – dân chủ - văn minh.

d. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm tăng tỉ lệ nữ tham gia đại biểu Quốc hội là bình đẳng trong giáo dục.